

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới  
Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ, kinh phí khảo sát, lập quy hoạch chung xây dựng xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên đến năm 2035; Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều

chỉnh tên và thời hạn lập các đồ án quy hoạch chung đô thị mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 5603/BXD-QHKT ngày 06/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2035;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 15/BC-SXD ngày 09/01/2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045, với các nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung đô thị mới Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045.

### **2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch**

**2.1. Phạm vi:** Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (diện tích 1.431,16 ha).

**2.2. Ranh giới:** Phía Bắc giáp xã Yên Thái, huyện Văn Yên; Phía Nam giáp xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên; Phía Đông giáp xã Tân Đông, huyện Trấn Yên; Phía Tây giáp xã Xuân Ái, huyện Văn Yên.

**3. Thời hạn quy hoạch:** Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2045.

### **4. Tính chất và quy mô của đồ án**

**4.1. Tính chất:** Là xã định hướng phát triển thành đô thị của huyện Trấn Yên giai đoạn 2021-2025, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, nằm trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030.

### **4.2. Quy mô**

- Quy mô diện tích lập quy hoạch 1.431,16ha.
- Quy mô dân số năm 2021 là 5.232 người; quy mô dân số toàn xã dự báo đến năm 2030 khoảng 6.990 người; đến năm 2045 khoảng 14.800 người.

### **5. Mục tiêu của đồ án**

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021.

- Đánh giá thực tiễn phát triển, kế thừa từ các quy hoạch cấp tỉnh, các quy hoạch đã triển khai trong các giai đoạn trước và đưa ra các định hướng phát triển mới phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển.

- Định hướng phát triển không gian, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đảm bảo các tính chất, chức năng, quy mô phát triển đô thị gắn với các tiêu chí đô thị loại V, đáp ứng là một trong các trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, hướng tới mô hình tổ chức là thị trấn trực thuộc huyện Trấn Yên.

- Xây dựng đô thị Báo Đáp theo hướng văn minh, hiện đại, có bản sắc, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng lộ trình, kế hoạch phát triển, nâng cấp đô thị Báo Đáp thành đô thị loại V vào những năm tiếp theo, phù hợp với các quy hoạch liên quan, đảm bảo đủ điều kiện nâng cấp đô thị và lập đề án công nhận xã Báo Đáp là đô thị loại V.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, thu hút đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, gắn liền với phát triển bền vững, củng cố quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Làm cơ sở để chính quyền địa phương và các tổ chức, đơn vị triển khai các bước tiếp theo trong quá trình quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt. Là căn cứ để tổ chức thực hiện phát triển quỹ đất phát triển không gian đô thị, góp phần thu ngân sách.

## 6. Quy hoạch sử dụng đất theo yêu cầu phát triển các giai đoạn

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2030		Giai đoạn đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>138,49</b>	<b>9,68</b>	<b>186,29</b>	<b>13,02</b>
1	Đất ở	57,00	3,98	83,52	5,84
2	Đất giáo dục	1,37	0,10	1,37	0,10
2.1	Trường mầm non	0,33	0,02	0,33	0,02
2.2	Trường tiểu học	0,60	0,04	0,60	0,04
2.3	Trường THCS	0,44	0,03	0,44	0,03
3	Đất dịch vụ - công cộng khác	5,58	0,39	9,21	0,64
3.1	Đất y tế	0,10	0,01	0,15	0,01
3.2	Đất văn hóa	1,41	0,10	2,63	0,18
3.3	Đất thể dục thể thao	1,07	0,07	1,07	0,07
3.4	Đất chợ	1,00	0,07	1,00	0,07
3.5	Đất công trình dịch vụ, công cộng khác	2,00	0,14	4,36	0,30
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,28	0,02	0,33	0,02
5	Đất cây xanh công cộng	8,23	0,58	23,23	1,62
6	Đất giao thông đô thị	41,38	2,89	43,98	3,07
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	24,65	1,72	24,65	1,72

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2030		Giai đoạn đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>B</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>144,14</b>	<b>10,07</b>	<b>149,31</b>	<b>10,43</b>
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	115,89	8,10	115,89	8,10
1.1	<i>Đất công nghiệp</i>	<i>20,00</i>	<i>1,40</i>	<i>20,00</i>	<i>1,40</i>
1.2	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>19,01</i>	<i>1,33</i>	<i>19,01</i>	<i>1,33</i>
1.3	<i>Đất hoạt động khai thác khoáng sản</i>	<i>76,88</i>	<i>5,37</i>	<i>76,88</i>	<i>5,37</i>
2	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	0,03	0,002	0,03	0,002
3	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	3,50	0,245	3,50	0,245
4	Đất di tích, tôn giáo	2,38	0,166	2,38	0,166
4.1	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>1,43</i>	<i>0,100</i>	<i>1,43</i>	<i>0,100</i>
4.2	<i>Đất di tích lịch sử văn hóa</i>	<i>0,95</i>	<i>0,066</i>	<i>0,95</i>	<i>0,066</i>
5	Đất an ninh	0,04	0,003	0,40	0,028
6	Đất Quốc phòng	0,00	0,000	0,40	0,028
7	Đất giao thông đối ngoại	20,76	1,451	25,17	1,759
8	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,43	0,030	0,43	0,030
9	Đất phi nông nghiệp khác	1,11	0,078	1,11	0,078
<b>C</b>	<b>Đất nông nghiệp và các chức năng khác</b>	<b>1148,53</b>	<b>80,25</b>	<b>1095,56</b>	<b>76,55</b>
1	Đất sản xuất nông nghiệp	731,49	51,11	685,51	47,90
1.1	<i>Đất trồng lúa</i>	<i>100,71</i>	<i>7,04</i>	<i>93,88</i>	<i>6,56</i>
1.2	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	<i>114,56</i>	<i>8,00</i>	<i>105,36</i>	<i>7,36</i>
1.3	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>	<i>516,22</i>	<i>36,07</i>	<i>486,27</i>	<i>33,98</i>
2	Đất lâm nghiệp	252,78	17,66	247,36	17,28
3	Đất nuôi trồng thủy sản	24,07	1,68	22,50	1,57
4	Đất chưa sử dụng	8,07	0,56	8,07	0,56
5	Hồ, ao, đầm	18,16	1,27	18,16	1,27
6	Sông, suối, kênh, rạch	113,96	7,96	113,96	7,96
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1431,16</b>	<b>100,00</b>	<b>1431,16</b>	<b>100,00</b>

## 7. Định hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng

### 7.1. Định hướng phát triển đô thị

- Hướng phát triển của đô thị được xác định chủ yếu tại khu vực trung tâm hiện hữu và phát triển về phía Nam (thôn Đồng Ghènh) và phía bên trong đường sắt (thôn Đồng Trạng).

- Phát huy lợi thế của đô thị với các tuyến giao thông chính đi qua, xây dựng các công trình thương mại dịch vụ, phục vụ mục tiêu phát triển và tăng

tính liên kết với hệ thống các đô thị trong và ngoài huyện; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu hàng hóa.

- Tuân thủ theo nguyên tắc hình thành và phát triển đô thị phù hợp với địa hình tự nhiên, hình thái đô thị theo dạng tuyến dựa trên các trục giao thông chính hiện hữu và kết hợp xây mới, khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng.

- Xây dựng đô thị hiện đại có cơ sở hạ tầng đồng bộ. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao phát triển; sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị có tính cạnh tranh; thu hút đầu tư đa dạng và chất lượng cao; tạo nhiều cơ hội việc làm mới, thu hút dân cư, đảm bảo mục tiêu hình thành đô thị và phát triển kinh tế.

- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản đô thị, trong đó có làng nghề truyền thống dựa trên quan điểm lấy văn hóa làm nền tảng, thể hiện được tính kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống. Kiểm soát các không gian phát triển nông nghiệp sinh thái, các không gian đô thị gắn với mặt nước và hệ thống thủy lợi, đảm bảo gìn giữ, tôn tạo, và phát triển các yếu tố đặc trưng về môi trường và cảnh quan bền vững.

## **7.2. Cơ cấu phân khu chức năng**

Toàn bộ khu vực nghiên cứu lập quy hoạch được phân thành 03 khu chức năng chính:

- Phân khu số 1: Phát triển đô thị gắn liền với bảo tồn làng nghề truyền thống, diện tích 563,31 ha, chiếm 39,36% tổng diện tích lập quy hoạch. Là trung tâm đô thị phát triển ven các trục giao thông động lực, bao gồm hệ thống trung tâm hành chính, chính trị, các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị và khu vực làng nghề truyền thống thôn Đình Xây.

- Phân khu số 2: Bảo vệ và phát triển nông nghiệp, diện tích: 528,7 ha, chiếm 36,94% tổng diện tích lập quy hoạch. Là vùng có địa hình đồi núi cao xen lẫn các khu sản xuất nông nghiệp và các khu dân cư hiện hữu. Phát triển trồng các loại cây cho năng suất cao như vùng trồng chè chất lượng cao. Đây là vùng hạn chế xây dựng của đô thị.

- Phân khu số 3: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và khai thác khoáng sản. Đây là vùng hạn chế xây dựng của đô thị có diện tích 339,15 ha, chiếm 23,7% tổng diện tích lập quy hoạch. Là khu vực có địa hình đồi núi cao, có thế mạnh về khai thác khoáng sản và sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

## **8. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan**

- Không gian đô thị được phân thành 3 vùng cảnh quan chính: Cảnh quan núi cao (gắn với các dãy núi chạy dọc phía Tây Bắc của xã), cảnh quan mặt nước (gắn với sông Hồng, suối Ngòi Hóp và hệ thống các khe suối nhỏ), cảnh quan đô thị (gắn với các khu vực phát triển dân cư và các khu chức năng đô thị dọc đường tỉnh ĐT.163 và khu vực trung tâm hiện hữu.

- Hình thành các hành lang xanh gắn kết cảnh quan tự nhiên với các công viên, các vườn hoa trong đô thị. Thiết kế không gian xanh gồm 02 chức năng chủ đạo là chức năng xanh đô thị và chức năng sản xuất.

- Các khu vực trung tâm:

+ Trung tâm hành chính: Chinh trang mở rộng, cải tạo, nâng cấp các công trình cho phù hợp với chức năng sử dụng. Không gian bên ngoài trụ sở, khu vực vườn hoa được chỉnh trang nâng cấp cho phù hợp với giai đoạn trước mắt và dài hạn;

+ Đối với các khu trung tâm dịch vụ thương mại: Tạo không gian thương mại nổi bật được đặt tại vị trí các khu, trục trung tâm các đơn vị ở, các trục đường chính, cửa ngõ của đô thị với những hình ảnh đặc trưng về không gian kiến trúc. Gắn kết hợp lý giữa giao thông công cộng với các hoạt động thương mại đầu mối đồng thời tạo không gian linh hoạt rộng cho những sự kiện đa năng. Các công trình xây dựng hiện đại, cao tầng được hợp khối thống nhất. Thiết kế kiến trúc và cảnh quan đặc trưng mang tính biểu tượng.

- Các khu ở mới: Không gian kiến trúc khu dân cư được tổ chức hài hoà với địa hình, làm tăng vẻ đẹp cảnh quan khu đô thị; các đơn vị ở được phân biệt rõ ràng bởi mạng lưới đường giao thông chính đô thị và được tổ chức liên hệ với nhau theo các tuyến đường khu vực và liên khu vực. Tại các đơn vị ở bố trí "lõi" trung tâm bao gồm: Cây xanh, nhà câu lạc bộ khối phố, trường học, dịch vụ và các sân chơi thể thao.

- Xây dựng công trình biểu tượng đón hướng nhìn từ nhiều phía mang biểu trưng về một đô thị xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc tại các cửa ngõ vào đô thị. Không gian khu vực cửa ngõ cần tổ chức ấn tượng, tạo được tầm nhìn vào đô thị. Bộ cục quy hoạch công trình tại các cửa ngõ được nghiên cứu trên cơ sở phân tích về các điều kiện vi khí hậu của khu đất thiết kế và tuân thủ chỉ giới xây dựng.

## **9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

### **9.1. Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật**

#### *a) Cao độ nền và phòng chống lũ*

- Nâng cấp, cải tạo, nắn dòng, mở rộng lòng, nạo vét đáy đảm bảo chiều cao thoát nước của tuyến thoát nước chính (Ngòi Hóp). Duy trì các hồ, đầm, mặt nước hiện trạng (đầm Bà Bôi, hồ Nhang Đại, sông Hồng).

- San, gạt nền khu vực xây dựng phát triển đô thị trên cơ sở tôn trọng tối đa địa hình tự nhiên và thuận lợi cho hệ thống thoát nước.

- Cao độ thiết kế trong quy hoạch chỉ mang tính định hướng, cao độ nền sẽ được xác định chính xác, cụ thể trong quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được đề xuất cụ thể hóa cho phù hợp với điều kiện hiện trạng tự nhiên, quy hoạch và dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

*b) Định hướng thoát nước:* Hướng thoát nước chính vào suối Ngòi Hóp và chảy ra sông Hồng.

### **9.2. Quy hoạch giao thông**

#### *a) Đường bộ*

\* Giao thông đối ngoại:

- Đường tỉnh ĐT.163: Quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5m$  (trong đó mặt đường  $B_m = 10,5m$ , vỉa hè  $B_{vh} = 2 \times 5m = 10m$ ), chiều dài khoảng 6km.

- Đường nối Quốc lộ 70, ĐT.166 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Quy mô nền đường rộng  $B_n = 17,5\text{m}$  (trong đó mặt đường  $B_m = 7,5\text{m}$ , vỉa hè  $B_{vh} = 2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$ ); chiều dài khoảng 1,3km.

- Quy hoạch mới tuyến đường Đào Thịnh - Báo Đáp: Quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5\text{m}$  (trong đó mặt đường  $B_m = 10,5\text{m}$ , vỉa hè  $B_{vh} = 2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$ ), chiều dài khoảng 2,3km.

\* Giao thông đô thị:

- Cải tạo, mở rộng và chỉnh trang hệ thống đường hiện trạng trong khu vực quy hoạch, kết nối khu trung tâm hành chính với các thôn trên địa bàn. Đảm bảo liên hệ giao thông thuận lợi, nhanh chóng với quãng đường ngắn nhất giữa các khu vực.

- Khu trung tâm đô thị hiện hữu: Mạng đường về cơ bản giữ nguyên về tuyến, cải tạo, mở rộng, chỉnh trang hệ thống đường hiện trạng khu trung tâm. Quy mô các tuyến đường từ 13,5m đến 20,5m.

- Nâng cấp hệ thống đường giao thông liên kết các thôn, liên thông mạng lưới đường xã, thôn xóm với mạng lưới đường tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong sinh hoạt và sản xuất.

- Quy hoạch bãi đỗ xe công cộng phục vụ nhu cầu đỗ xe đô thị.

b) Đường sắt

- Cải tạo nâng cấp ga Hóp phục vụ hành khách và vận chuyển hàng hóa.

- Khai thác hiệu quả tuyến đường sắt quốc gia phù hợp với các giai đoạn đầu tư cải tạo nâng cấp hiện đại hóa tuyến đường sắt (theo quy hoạch ngành) phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Yên Bái nói chung và của huyện Trấn Yên nói riêng, đảm bảo hành lang bảo vệ đường sắt theo Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

**9.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị**

a) Nguồn điện: Từ TBA 110kV Trấn Yên, quy mô 2x40MVA (giai đoạn 2030 nâng công suất với tổng công suất (2x40 MVA).

b) Định hướng cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện đô thị đến năm 2030 là 6.160kVA, đến năm 2045 là 10.303 kVA.

- Lưới 35 kV cung cấp điện cho xã Báo Đáp được giữ nguyên hiện trạng và được cải tạo hạ ngầm đoạn qua khu vực trung tâm đô thị theo trục đường giao thông. Những đoạn tuyến không phù hợp với quy hoạch đường giao thông và quy hoạch sử dụng đất sẽ được cải tạo và điều chỉnh hướng tuyến theo trục đường giao thông đảm bảo cảnh quan và an toàn lưới điện.

- Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí và được tính toán cải tạo nâng công suất để đáp ứng nhu cầu sử dụng. Các trạm biến áp quy hoạch

mới được xác định cụ thể khi lập quy hoạch chi tiết; Các trạm biến áp phân phối 35/0,4kV xây dựng mới phục vụ cấp điện khu vực cụm công nghiệp Báo Đáp, vị trí và quy mô công suất của các trạm biến áp sẽ được xác định ở bước lập dự án đầu tư.

- Bố trí hệ thống chiếu sáng theo các trục giao thông, đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các hoạt động kinh tế - xã hội diễn ra bình thường về ban đêm.

#### **9.4. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc**

- Nâng cấp trạm truy nhập quang (AON, PON); xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông, từ trạm trung tâm về trạm truy nhập quang trong khu vực. Toàn bộ mạng truyền dẫn sử dụng cáp quang băng rộng.

- Cải tạo chỉnh trang các trạm viễn thông hiện có, kết nối bằng tuyến cáp quang ngầm.

- Từ trạm viễn thông trung tâm kéo các tuyến cáp đến các tủ cáp trong các khu vực đô thị. Từ các tủ cáp đầu nối tới hộp cáp và từ hộp cáp sẽ dẫn đến các thuê bao (thiết bị đầu cuối);

#### **9.5. Quy hoạch cấp nước**

- Tổng nhu cầu dùng nước đô thị đến năm 2030 khoảng 1.187,22 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2045 khoảng 2.609,16 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn cấp: Nguồn nước từ nhà máy nước sạch Y Can, huyện Trần Yên.

- Mạng lưới đường ống được bố trí ngầm, song song với các tuyến đường giao thông. Mạng lưới cấp nước sử dụng mạng vòng kết hợp với mạng cụt. Các trụ cứu hỏa ngoài nhà chọn loại nổi đường kính D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hỏa không nhỏ hơn 150m/trụ.

#### **9.6. Quy hoạch thoát nước thải và quản lý chất thải rắn**

##### *a) Thoát nước thải*

- Hệ thống thoát nước thải trong đô thị là hệ thống thoát nước hỗn hợp.

- Tổng nhu cầu thoát nước thải đô thị đến năm 2030 là 710,88m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2045 là 2.031,50m<sup>3</sup>/ngđ.

- Xây dựng Trạm xử lý nước thải tại thôn Đình Xây, công suất 2.100m<sup>3</sup>/ngđ. Toàn bộ nước thải sinh hoạt, công cộng,... được thu gom bằng hệ thống cống chạy dọc theo vỉa hè và dẫn về trạm xử lý nước thải.

- Hệ thống thoát nước thải trong các khu chức năng, khu đô thị, khu ở mới thực hiện xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

##### *b) Quản lý chất thải rắn*

- 100% chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt yêu cầu. Giảm lượng thải, tăng tái chế, tái sử dụng chất thải rắn; chỉ chôn lấp chất thải rắn không thể tái chế. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt trong đô thị được thu gom, vận chuyển về khu xử lý tập trung để xử lý.



### **9.7. Quy hoạch nghĩa trang**

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang Dộc Mùn, Làng Qua với tổng diện tích khoảng 6,6ha, định hướng là nghĩa trang tập trung của đô thị.

- Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly đối với các nghĩa trang đã đóng cửa nằm trong đô thị. Di dời các khu mộ nằm rải rác trong khu vực dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp về nghĩa trang tập trung.

### **9.8. Tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu**

#### *a) Tăng trưởng xanh*

- Xây dựng và phát triển đô thị bền vững, văn minh, hiện đại, gìn giữ được các công trình văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị.

- Chú trọng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, giảm cường độ phát thải khí nhà kính. Đề ra các giải pháp hạn chế ùn tắc giao thông, giải quyết tốt úng ngập, ô nhiễm môi trường, tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển đô thị theo hướng tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Phát triển đô thị gắn với quản lý, phát triển thị trường bất động sản, phải đảm bảo ổn định và bền vững; giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho người dân tại khu vực đô thị, nhất là các đối tượng người nghèo, gia đình chính sách, công nhân, người lao động.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, triển khai các dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, xây dựng các trung tâm giám sát, điều hành đô thị; gắn phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền số, xã hội số.

#### *b) Thích ứng với biến đổi khí hậu*

- Tăng cường không gian xanh đô thị, duy trì các khu vực sản xuất nông nghiệp và đặc biệt bảo vệ các lưu vực thoát nước tự nhiên, duy trì không gian mặt nước, thiết kế thích ứng chống chịu gió bão, thiết kế lưu vực giữ nước phòng chống hạn hán, phục vụ tưới tiêu, vật liệu chịu úng, vật liệu thấm thấu cho lưu vực giữ nước. Kiểm soát tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

- Quy hoạch tái định cư cho các khu vực dân cư có khả năng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biến đổi khí hậu.

- Tính toán cốt nền quy hoạch trên cơ sở xem xét tới thủy văn khu vực và tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đến khả năng thoát nước tự nhiên. Nâng cấp hệ thống kè sông, suối và công trình hạ tầng trọng yếu đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quy hoạch thoát nước mưa, thoát nước thải trên cơ sở tính toán cốt nền thoát nước, vị trí các công trình đầu mối, hướng thoát nước đảm bảo thích ứng được với biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan; hệ thống cấp nước sử

dụng vật liệu có sức bền, tuổi thọ tốt, chống thất thoát có thể thích nghi được với biến đổi khí hậu.

## **10. Các giai đoạn đầu tư**

**10.1. Giai đoạn đến năm 2030:** Từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng khung để thu hút đầu tư vào đô thị.

- Kêu gọi các dự án đầu tư phát triển đô thị, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng tại đô thị.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật công viên trung tâm đô thị.

- Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao đô thị tại thôn Đồng Trạng.

- Mở rộng diện tích, cải tạo xây dựng chợ.

- Chinh trang các khu ở dân cư hiện hữu, triển khai các dự án phát triển quỹ đất theo quy hoạch (Quỹ đất cầu Móc Tôm, quỹ đất trung tâm xã).

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trung tâm đô thị, tuyến đường thôn Đồng Bưởi, đường thôn Nhân Nghĩa, đường Khe Cua.

## **10.2. Giai đoạn 2031 - 2045**

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo định hướng Quy hoạch chung; Xây dựng mới tuyến đường thôn Đồng Trạng; Xây dựng cầu Báo Đáp, đường đi cầu Báo Đáp, đường Cường Thịnh - Báo Đáp.

- Xây dựng mới Trạm xử lý nước thải; Phát triển các khu chức năng, khu đô thị, khu ở mới theo định hướng Quy hoạch chung.

## **11. Các giải pháp bảo vệ môi trường**

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch; đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Tạo hành lang bảo vệ sông, hồ, khơi thông hệ thống mương và ao, hồ trong khu vực. Cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn: Trồng cây xanh cách ly quanh khu vực ga đường sắt, trạm xử lý nước thải, khu xử lý tập trung chất thải rắn, nghĩa trang, cụm công nghiệp tập trung và những đoạn giao thông chính đi qua đô thị.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất: Sử dụng đất hợp lý, phân kỳ đầu tư, khi chưa có kế hoạch phát triển cần khai thác tiếp tục diện tích đất lúa.

- Giảm thiểu ảnh hưởng tác động môi trường. Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

## **12. Thành phần hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, quy định quản lý theo quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan; tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2045 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, theo đồ án quy hoạch chung được phê duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy định.


- Xây dựng quy chế quản lý đô thị, chương trình phát triển đô thị, các cơ chế chính sách và kế hoạch thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn; tập trung huy động các nguồn lực để triển khai việc đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư, phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành.

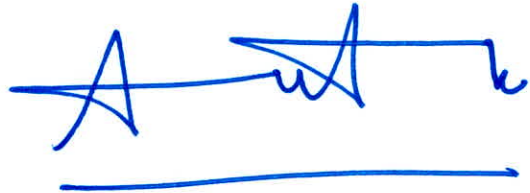
**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận: *

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, TNMT, XD. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Huy Tuấn**